

CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU SMART HOME VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU SMART HOME VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM SMART HOME IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SMARTHOMEVN CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109137299

3. Ngày thành lập: 14/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5B, Tổ 5, Đường Quang Lãm, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917359686

Fax:

Email: huynguyen.vsf@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán buôn đồ uống	4633
4.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649(Chính)
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
9.	Bán buôn tổng hợp	4690
10.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
11.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
13.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
14.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
15.	Cổng thông tin	6312
16.	Quảng cáo	7310
17.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
18.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
19.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
20.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

21.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
22.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
23.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
24.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
25.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
27.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
28.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
30.	Dịch vụ đóng gói	8292
31.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
32.	In ấn	1811
33.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
34.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
35.	Điều hành tua du lịch	7912
36.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
37.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
38.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
42.	Đào tạo trung cấp	8532
43.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
44.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
45.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
46.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
47.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
48.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
49.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
50.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
51.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
52.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
53.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240

54.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
55.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
57.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
58.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
59.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
60.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
62.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
63.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
64.	Xuất bản phần mềm	5820
65.	Hoạt động viễn thông khác	6190
66.	Lập trình máy vi tính	6201
67.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
68.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
69.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
70.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
71.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
72.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
73.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
74.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
75.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
76.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
77.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
78.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
79.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
80.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
81.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
82.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
83.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
84.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
85.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
86.	Bán mô tô, xe máy	4541
87.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543

88.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
89.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
90.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
91.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
92.	Sản xuất sợi	1311
93.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
94.	Sản xuất giày, dép	1520
95.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
96.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
97.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
98.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
99.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
100.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
101.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430

6. Vốn điều lệ: 200.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN QUANG HUY	xóm 5, Xã Minh Tân, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	150.000.000	75,000	031558221	
2	TẠ THÙY DƯƠNG	Thôn Mỹ Liệt, Xã Lưu Kiếm, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	50.000.000	25,000	031980899	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN QUANG HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 03/04/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 031558221

Ngày cấp: 17/06/2005

Nơi cấp: Công an TP Hải Phòng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *xóm 5, Xã Minh Tân, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 5, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội